HÀ NHẬT THĂNG

MODULE TH 35

GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM TRONG CÁC HOẠT ĐỘNG Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC

A. GIỚI THIỆU TỔNG QUAN

Mọi hoạt động ở trường tiểu học (bán trú) của GVCN rất đa dạng, phong phú. Học xong module này, ngoài những hiểu biết chung về nhiệm vụ của GVCN, học viên hiểu sâu sắc hơn những đặc trưng và yêu cầu của GVCN ở tiểu học loại trường bán trú ngày. *Phân tích được những hoạt động quản lí của GVCN ở trong và ngoài nhà trường* nhằm thực hiện giáo dục toàn diện đối với HS tiểu học.

B. MỤC TIÊU

1. MỤC TIÊU CHUNG

– Học, nghiên cứu xong module, GV nói chung và GVCN nói riêng hiểu được những nhiệm vụ chung của công tác chủ nhiệm lớp ở trong và ngoài nhà trường tiểu học và những hoạt động cụ thể mỗi ngày ở trường.

Ở trường bán trú, *GVCN có trách nhiệm quản lí, theo dõi tất cả mọi hoạt động của HS ở trường*. GVCN cần có khả năng lường trước những tình huống có thể xảy ra đối với HS ở trường bán trú.

– Hiểu trường bán trú là một cơ hội để GVCN có điều kiện thực hiện các nhiệm vụ, các chức năng của GVCN ở tiểu học.

2. MỤC TIÊU CỤ THỂ

1. Về kiến thức

– Hiểu được những công việc GVCN ở tiểu học bao gồm những hoạt động chính như: giảng dạy, quản lí việc giáo dục toàn diện (nuôi, dạy, phát hiện, bồi dưỡng đạo đức, năng khiếu, chăm sóc sức khoẻ, những biến đổi về tâm sinh lí... của HS); hướng dẫn HS rèn luyện phát triển, xúc cảm, thói quen. GVCN cần biết phối hợp với đồng nghiệp, cha mẹ HS và đoàn thể xã hội để thực hiện mục tiêu, nội dung giáo dục ở tiểu học.

– Tự lí giải sự cần thiết phải thực hiện những nội dung hoạt động đó.

2. Về kĩ năng

– Có kĩ năng dạy học, giáo dục, giao tiếp, phối hợp, quản lí, tổ chức hoạt động giáo dục để thực hiện nhiệm vụ, chức năng của người GVCN.

– Có kĩ năng tự hoàn thiện nhân cách, nhất là kĩ năng tiếp cận với những thông tin mới về giáo dục tiểu học.

– Có kĩ năng làm việc có kế hoạch.

3. Về thái độ

– Có nhận thức đúng về vai trò, vị trí của GVCN; có trách nhiệm cao, không ngại khó khăn, làm việc sáng tạo, đam mê với nghề.
– Thương yêu HS, thân ái với đồng nghiệp và phụ huynh HS. Khiêm tốn học hỏi, tự hoàn thiện.

C. NỘI DUNG

1. Nội dung của module

1. Nhận thức đầy đủ tầm quan trọng của GVCN ở tiểu học và những hoạt động chủ yếu của GVCN ở trường.

2. Phân tích những nhiệm vụ đặc trưng của GVCN trong giai đoạn hiện nay.

3. Phân tích những yêu cầu đối với GVCN ở tiểu học.

4. Có kĩ năng thiết kế một số hoạt động giáo dục ở trong và ngoài nhà trường.

2. Yêu cầu học tập

Để học tập tốt module, đòi hỏi học viên cần thực hiện một số yêu cầu sau đây:

– *Về thái độ học tập*:

Phải cố gắng nỗ lực, khiêm tốn cầu thị, tránh tư tưởng chủ quan, chủ động suy nghĩ, mạnh dạn trau dồi, chia sẻ với đồng nghiệp.

– *Về phương pháp học tập*:

+ Lấy tự học, tự nghiên cứu là chính.
+ Tham khảo thêm tài liệu.
+ Liên hệ với thực tế, những mâu thuẫn, những vấn đề cấp thiết và tìm ra cách thức giải quyết.
+ Sưu tầm những tư liệu phục vụ cho các hoạt động giáo dục.

– *Về nội dung học tập*:

+ Hiểu và phân tích được tầm quan trọng, vai trò của GV tiểu học ở loại hình trường bán trú ngày ở tiểu học.
+ Xác định được những nội dung hoạt động giáo dục trong và ngoài nhà trường của một GVCN. Thấy rõ những điểm mới của GVCN ở trường bán trú trong giai đoạn hiện nay.
+ Có kĩ năng thiết kế các hoạt động.

Hoạt động 1. Tìm hiểu ý nghĩa, tầm quan trọng của giáo viên chủ nhiệm ở tiểu học và những hoạt động của giáo viên chủ nhiệm ở tiểu học

1. MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG 1

Học xong, học viên hiểu tầm quan trọng của GVCN trong giai đoạn hiện nay, lí giải được tại sao quan trọng, đặc biệt đối với giáo dục tiểu học, loại trường bán trú ngày.

2. THÔNG TIN CƠ BẢN

Công tác chủ nhiệm lớp ở trường tiểu học trong giai đoạn hiện nay rất quan trọng, vì các lí do sau đây:

Một là xuất phát từ vị trí của GVCN ở trường phổ thông.

– Công tác chủ nhiệm lớp ra đời cách đây mấy trăm năm, sau khi xuất hiện hệ thống tổ chức nhà trường theo lí luận của Cômenxki và tồn tại cho đến ngày nay. Vì trường đông HS, cần chia nhỏ thành lớp; quản lí HS mỗi lớp là GVCN.

Trước đây, chức năng cơ bản nhất của *GVCN là đại diện của Hiệu trưởng quản lí hoạt động học tập, sinh hoạt của một lớp học trong nhà trường.* Vì vậy, GVCN được coi như *"một Hiệu trưởng nhỏ"* ,*"Hiệu trưởng không có dấu đỏ"*. Nhiệm vụ chủ yếu của GVCN là quản lí sĩ số HS, quản lí giờ học trên lớp, truyền đạt những mệnh lệnh của Hiệu trưởng và yêu cầu HS thực hiện. GVCN có trách nhiệm đánh giá kết quả học tập và hạnh kiểm của HS căn cứ vào kết quả thực hiện những yêu cầu, nội quy của trường.

– Hiện nay, do những yêu cầu mới của giáo dục mà vai trò, vị trí của GVCN có những thay đổi rất lớn và rất quan trọng.

+ GVCN ngày nay là người quản lí HS cả ngày học và hoạt động ở trường;
+ GVCN phải là người cố vấn, định hướng cho các bậc cha mẹ thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện;
+ GVCN phải là người tổ chức phối hợp với các lực lượng xã hội ngoài nhà trường, xây dựng môi trường thân thiện, lành mạnh nhằm phát huy tối đa tiềm năng của xã hội, tận dụng tối đa mặt tích cực và hạn chế tối đa ảnh hưởng tiêu cực đến với HS;
+ GVCN phải là người phát hiện, tổ chức bồi dưỡng năng khiếu cho trẻ em. Xuất phát từ chiến lược nâng cao dân trí, đào tạo, bồi dưỡng nhân tài cho các lĩnh vực sản xuất và hoạt động xã hội... Việc phát hiện năng khiếu ở

trẻ em là một đòi hỏi vừa mới vừa khá phức tạp đối với GVCN ở tiểu học nói riêng và ở phổ thông nói chung. Phát hiện đúng năng khiếu, sở thích của HS sẽ góp phần rất lớn vào chiến lược đào tạo nhân tài, hướng nghiệp, sẽ góp phần không nhỏ vào việc nâng cao hiệu quả chất lượng khai thác tài nguyên con người;

+ GVCN phải là người có trách nhiệm đánh giá toàn diện chất lượng giáo dục HS. Trước đổi mới giáo dục, đánh giá giáo dục phổ thông chủ yếu căn cứ vào kết quả học văn hoá và sự chuyên cần trong học tập. Ngày nay phải căn cứ vào mục tiêu giáo dục các cấp học, GVCN cần có nhận định, đánh giá từng HS trên các lĩnh vực hoạt động nhận thức, xúc cảm, tình cảm, thái độ của các em đối với hiện tượng tự nhiên và xã hội, đánh giá HS về các kĩ năng, hành vi, sự phát triển năng lực sáng tạo, thích ứng, giao tiếp ứng xử...

Thứ hai, do mục tiêu giáo dục thời công nghiệp hoá, hiện đại hoá có những thay đổi, giáo dục con người phát triển toàn diện trở thành yêu cầu khách quan, là đòi hỏi của sự phát triển kinh tế – xã hội của nền văn minh hậu công nghiệp.

+ *Mục tiêu chung*:

Yêu cầu của xã hội cần đào tạo những thế hệ lao động thông minh, năng động, sáng tạo, biết kết hợp giữa lao động chân tay và lao động trí óc, giữa lí luận với thực tiễn; có kiến thức sâu rộng và có năng lực giải quyết những thách thức của thời đại; có xúc cảm, tình cảm, niềm tin sâu sắc; có lối sống lành mạnh, phát triển toàn diện tiềm năng về mọi mặt; có bản lĩnh chính trị vững vàng trong mọi tình huống; có sức khỏe thể chất và sức khỏe tinh thần.

+ *Vì sao phải phát triển con người toàn diện?*

Để thực hiện mục tiêu giáo dục tổng quát đó, từ cuối thế kỉ XX, các nhà nghiên cứu khoa học và quản lí đã nhận thức sâu sắc những thách thức, những mâu thuẫn khôn lường: đó là sự gia tăng dân số, môi trường bị tàn phá làm Trái Đất nóng lên, thiên tai, bão, động đất, sóng thần xảy ra thường xuyên; tài nguyên thiên nhiên bị cạn kiệt; những vấn đề xã hội (sự phát triển kinh tế - xã hội không bền vững, bệnh tật, tệ nạn xã hội, mâu thuẫn giàu nghèo, sắc tộc, hệ tư tưởng...).

Trước những thách thức của thời đại, một vấn đề, một câu hỏi được đặt ra là giải quyết những mâu thuẫn, những thách thức trên bằng cách nào? Kết quả nghiên cứu về giáo dục và khoa học nghiên cứu về con người đã

khẳng định: "Con người là tài nguyên vô tận" nhưng chưa được khai thác hợp lí trong khi các nguồn tài nguyên khác đã cạn kiệt.

Chỉ đến những thập niên 80 của thế kỉ XX, nhân loại mới nhận thức thật đầy đủ ý nghĩa, vai trò của con người và của giáo dục như một phương thức quan trọng nhất khai thác tài nguyên con người. Chính vì vậy, dù diễn đạt có khác nhau nhưng đều thống nhất ở một điểm là coi: "Con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển bền vững"; "Giáo dục là quốc sách hàng đầu", được ưu tiên số một.

Thực tế nửa sau thế kỉ XX đã chứng minh rằng nước nào, dân tộc nào tập trung đúng hướng cho sự phát triển giáo dục, có một chiến lược phát triển theo đúng quy luật phát triển thì nước đó, dân tộc đó đã có những bước nhảy vọt chỉ sau 10 - 15 năm.

Lí luận và thực tiễn cho thấy giáo dục con người phát triển toàn diện là một đòi hỏi khách quan, là một quy luật tất yếu. Chỉ có phát triển con người toàn diện mới có thể giải quyết được sự phát triển kinh tế bền vững ở nền văn minh hậu công nghiệp.

– *Giáo dục đạo đức, tư tưởng chính trị, lối sống, lí tưởng sống là một trong những trọng tâm của mục tiêu giáo dục con người toàn diện*.

Bất kì cấp học nào, trường nào cũng phải cố gắng giáo dục, hình thành ở HS trên 40 phẩm chất, được chia thành 5 nhóm giá trị thể hiện 5 quan hệ:

1/ Nhóm những giá trị quan hệ với bản thân, bao gồm:

Biết tự trọng, tự tu, tự lập, giản dị, tiết kiệm, trung thực, siêng năng, hướng thiện, biết kiềm chế, biết hối hận, biết hổ thẹn, biết tự đánh giá để hoàn thiện...

2/ Nhóm những giá trị thể hiện quan hệ với người khác gồm:

Nhân nghĩa, biết ơn, kính trọng, yêu thương, khoan dung, khiêm tốn, biết hợp tác, cảm thông, chia sẻ, đoàn kết, bình đẳng, lễ độ, tôn trọng mọi người...

3/ Nhóm những giá trị thể hiện trách nhiệm của công dân đối với công việc, gồm:

Yêu nghề, đam mê công việc, trách nhiệm cao, lương tâm, tôn trọng tri thức, tôn trọng pháp luật và những quy định của xã hội, có kỉ luật, tự giác, năng động, sáng tạo, tích cực, thích ứng, tôn trọng lẽ phải, dũng cảm, liêm khiết...

4/ Nhóm những giá trị liên quan đến môi sinh gồm:

Xây dựng gia đình hạnh phúc, bảo vệ môi trường tự nhiên, môi trường văn hoá xã hội, bảo vệ giá trị truyền thống, bảo vệ hoà bình, chống chiến tranh và các tệ nạn xã hội, chống đói nghèo, bệnh tật...

5/ Nhóm những giá trị thể hiện lối sống, lí tưởng của dân tộc:

Vì dân giàu, nước mạnh, xây dựng xã hội công bằng, dân chủ văn minh....

– *GVCN phải là người góp phần phát triển năng lực của con người Việt Nam trong thời kì công nghiệp hoá – hiện đại hoá*

Trong lịch sử giáo dục nước nhà, chưa bao giờ đòi hỏi đội ngũ thầy cô giáo nói chung và GVCN các lớp ở phổ thông phải góp phần tổ chức giáo dục phát triển các năng lực ở HS như hiện nay. Kết quả nghiên cứu của các chương trình khoa học công nghệ cấp Nhà nước về con người cuối thế kỉ XX đã xác định những năng lực cơ bản của con người Việt Nam bước vào thế kỉ XX. Việc phát triển các năng lực ấy không phải nhiệm vụ riêng của ai, song trước hết thuộc về trách nhiệm của giáo dục nhà trường, trong đó có đội ngũ các cán bộ quản lí trường và GVCN các cấp.

Giáo dục tiểu học có một vị trí đặc biệt trong việc đặt nền móng phát triển các năng lực của con người Việt Nam thời kì công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Nhưng cần nhận thức thật đầy đủ: giáo dục ở bậc phổ thông chỉ là giai đoạn góp phần ĐẶT NỀN MÓNG đầu tiên cho các năng lực, còn phát triển hoàn thiện các năng lực là suốt đời, bao gồm các năng lực:

+ Năng lực tư duy sáng tạo
+ Năng lực tự hoàn thiện
+ Năng lực giao tiếp ứng xử
+ Năng lực thích ứng
+ Năng lực hợp tác và cạnh tranh
+ Năng lực tổ chức và quản lí
+ Năng lực hoạt động chính trị
+ Năng lực nghiên cứu khoa học
+ Năng lực lao động nghề nghiệp chuyên biệt.

– Để phát triển mỗi năng lực, HS phải được rèn luyện một hệ thống kĩ năng từ đơn giản đến phức tạp dần và phát triển qua một quá trình; rèn luyện một cách hệ thống theo đồng tâm xoáy trôn ốc.

– Các năng lực trên lại có quan hệ tương hỗ, thúc đẩy nhau; vì vậy, phát triển các năng lực là một quá trình không đơn giản.

Thực hiện mục tiêu giáo dục trên là trách nhiệm của tất cả mọi người, của toàn xã hội, đặc biệt là trách nhiệm của giáo dục nhà trường, trong đó có GV các cấp học, đặc biệt là trọng trách của GVCN lớp.

Thứ ba, môi trường xã hội phong phú, phức tạp, đòi hỏi phải đổi mới phương thức tổ chức tác động giáo dục nói chung, công tác GVCN nói riêng.

Chúng ta đã biết "bản chất của con người là tổng hoà các quan hệ xã hội". Ngày nay, dưới tác động của các phương tiện thông tin đại chúng, của việc hội nhập mở cửa giao lưu toàn cầu đã dẫn tới sự giao thoa giữa các môi trường vi mô và vĩ mô. Chính điều đó đòi hỏi phải thống nhất các ảnh hưởng, các tác động của các loại môi trường đến HS. Song, giáo dục nhà trường mà trực tiếp là đội ngũ cán bộ quản lí nhà trường và GVCN là lực lượng chịu trách nhiệm chủ yếu.

Chú thích:

★ – : *Mỗi cá nhân (HS, sinh viên...).*

– a_1, a_2, a_3: Là môi trường vi mô như gia đình, cộng đồng nơi ở lớp học, tập thể giáo dục...

– b_1, b_2,...: Là môi trường xã hội vĩ mô từ địa phương, quốc gia đến quốc tế.

→ – *Tính thống nhất các lực lượng trong hoạt động giáo dục.*

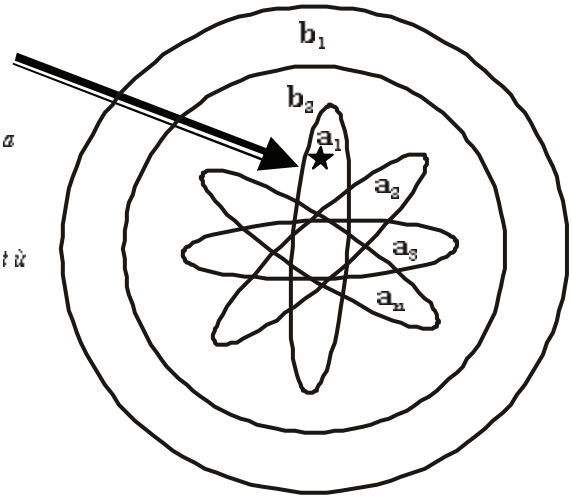

Thực tế hôm nay cho thấy mục tiêu, chất lượng giáo dục đào tạo ngày càng đòi hỏi cao, môi trường sống ngày càng phong phú, phức tạp. Chỉ có thể giải quyết mâu thuẫn trên bằng một hệ thống giải pháp tạo ra sự thống nhất các tác động giáo dục, một phần không nhỏ đặt trên vai đội ngũ GVCN lớp ở các trường. GVCN ngày nay phải là một nhà tổ chức quản lí thống nhất các mối quan hệ, các lực lượng trong và ngoài nhà trường nhằm tác động tới từng em và tập thể HS lớp chủ nhiệm.

Thứ tư, một thực tế không thể bỏ qua đó là HS ngày càng có những đặc điểm rất đáng quan tâm, rất cần có GVCN.

HS ngày nay có những đặc điểm tâm sinh lí mà thế hệ ông cha trước đây không có. Do ảnh hưởng của nhiều yếu tố như đời sống vật chất có những thay đổi rất lớn, phân hoá giàu nghèo quyết liệt, ảnh hưởng của văn hoá phẩm, của các tác động xã hội tích cực và tiêu cực trong và ngoài nước, các em được sống trong xã hội dân chủ, bình đẳng, cởi mở hơn, có cơ hội, có điều kiện tham gia nhiều lĩnh vực của cuộc sống, của các hoạt động vui chơi, giải trí... Ở thế hệ trẻ ngày nay có những chỉ số phát triển hơn các thế hệ trước: khỏe hơn, tuổi dậy thì sớm hơn, các chỉ số IQ cũng cao hơn, nhu cầu hoạt động, hưởng thụ cũng phong phú hơn...

Sống trong thực tế ấy, ở HS có sự phân hoá, phân cực khá rõ rệt. Một bộ phận không nhiều có nhận thức, có ý chí, bản lĩnh biết tận dụng thời cơ, điều kiện học tập rèn luyện để trở thành những người tiên tiến... Còn một bộ phận lớn chưa có kinh nghiệm sống, những phẩm chất tâm lí, đạo đức chưa bền vững rất khó khăn trong sự lựa chọn, xác định phương hướng học tập, rèn luyện. Vì vậy, vai trò của các nhà sư phạm (trong đó có GVCN) là rất quan trọng.

– *Thứ năm*, trong nhiều năm, việc giáo dục đạo đức, ý thức công dân chưa được coi trọng đúng mức, công tác GVCN lớp bị coi nhẹ.

Một trong những nguyên nhân phải coi trọng công tác GVCN là do nhiều năm qua nhà trường không coi trọng đúng mức tới công tác giáo dục đạo đức. Trong HS có những biểu hiện suy thoái về đạo đức. Vì không coi trọng giáo dục nên:

+ Mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục chậm đổi mới.
+ Coi nhẹ giáo dục đạo đức, lối sống, chủ yếu dạy văn hoá, dạy nghề, kĩ thuật (nhất là các trường THPT và các loại trường sau phổ thông như trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học...).
+ Chưa có định hướng quản lí, xây dựng được một cơ chế quản lí, đánh giá thống nhất về giáo dục đạo đức toàn xã hội, giữa các địa phương, hệ thống các trường.
+ Chưa xử lí nghiêm minh, kịp thời các hiện tượng tiêu cực trong và ngoài nhà trường.
+ Chưa có chế độ chính sách, chế độ đãi ngộ, khen thưởng kịp thời cá nhân, tập thể; chưa tạo ra được một dư luận mạnh mẽ đối với các hiện tượng xã hội.
+ Coi nhẹ các điều kiện, cơ sở vật chất, kinh phí cho các hoạt động văn hoá, hoạt động chính trị, vui chơi giải trí lành mạnh.

+ Một trong những thiếu sót ảnh hưởng đến quản lí giáo dục HS phổ thông là công tác GVCN không được coi trọng. Điều đó thể hiện trước hết là trong các trường sư phạm coi nhẹ việc trang bị lí luận và kĩ năng làm công tác chủ nhiệm, kiến thức bất cập với thực tế phổ thông.

  Hầu như sinh viên sư phạm ra trường không có kĩ năng làm công tác chủ nhiệm. Chủ yếu trong các trường sư phạm dạy kiến thức khoa học và trang bị phương pháp dạy học môn học.

+ *Các cấp quản lí và các trường phổ thông chưa coi trọng đúng mức công tác chủ nhiệm*. Chưa coi trọng tuyển chọn những GV đủ tiêu chuẩn làm chủ nhiệm, chưa quản lí, chưa bồi dưỡng, chưa quan tâm, tạo cơ hội, điều kiện cho đội ngũ GVCN thực hiện tốt công tác chủ nhiệm.

+ *Chế độ, chính sách đối với GVCN chưa hợp lí*. Từ năm 2000, theo tinh thần mới giáo dục, chương trình "Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp" giao trọng trách cho GVCN, nhưng từ đó đến nay chưa có một cơ chế rõ ràng, chưa có một chế độ đãi ngộ tương xứng với trách nhiệm, nhiệm vụ và nội dung GVCN phải đảm nhận, đã gây ra ảnh hưởng không lành mạnh trong các trường phổ thông. Những thầy cô giáo chủ nhiệm triển khai tốt chương trình hoạt động ngoài giờ lên lớp không được ghi nhận làm cho họ chán nản.

+ *Một bộ phận GVCN ở phổ thông làm việc chưa hiệu quả*. Nhiều người vì ý thức trách nhiệm chưa cao, vì thiếu năng lực, vì đời sống khó khăn, vì những hiện tượng HS hư làm cho một bộ phận GVCN làm việc thiếu nhiệt tình, kém hiệu quả...

+ v.v...

Tóm lại: Trong đổi mới giáo dục đang tiến hành, quản lí giáo dục đạo đức, lối sống chưa có sự thống nhất toàn xã hội từ nhận thức đến hành động.

Xuất phát từ những yêu cầu mới, từ hoàn cảnh cụ thể của xã hội, của giáo dục nhà trường, của gia đình trong thời đại hiện nay, vị trí của GVCN và công tác GVCN ở trường học (không chỉ ở các trường tiểu học, trường phổ thông mà kể cả các trường dạy nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học...) có một ý nghĩa đặc biệt. Vấn đề đặt ra là đòi hỏi GVCN thực hiện công tác chủ nhiệm như thế nào và cần xác định một cơ chế hoạt động về quyền hạn, trách nhiệm cho phù hợp với thực tế.

3. NHIỆM VỤ HOẠT ĐỘNG 1

1. **Phân tích những phẩm chất và năng lực nổi trội của GVCN nói chung, GVCN ở tiểu học nói riêng trong giai đoạn hiện nay.**

2. **Phân tích ý nghĩa của giáo dục tiểu học trong sự phát triển nhân cách HS phổ thông và vai trò của GVCN trong việc thực hiện mục tiêu giáo dục tiểu học nói riêng, giáo dục phổ thông nói chung.**

3. **Liên hệ với bản thân và thực tế ở trường, ở địa phương, phân tích những khó khăn GVCN hiện nay.**

4. Có hai quan điểm: Làm chủ nhiệm "mất" nhiều hơn "được" và làm chủ nhiệm "được" nhiều hơn "mất".

   Thầy, cô đồng ý với quan điểm nào? Và lí giải "được", "mất" những gì?

Hoạt động 2. Những hoạt động chủ yếu của người giáo viên chủ nhiệm ở tiểu học hiện nay

1. MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG 2

Người học hiểu những nhiệm vụ, những công việc của GVCN nói chung và GVCN tiểu học nói riêng cần phải thực hiện. Những nhiệm vụ của GVCN ở trường tiểu học bán trú so với trước đây rất đa dạng, phong phú và toàn diện, đó là yêu cầu khách quan. Vì vậy buộc GVCN phải tự hoàn thiện.

2. THÔNG TIN CƠ BẢN

Nhiệm vụ của người giáo viên chủ nhiệm ở trường tiểu học hiện nay

Nhiệm vụ là những công việc mà người GVCN cần phải làm để thực hiện trách nhiệm của GVCN ở trường tiểu học nói riêng, GVCN nói chung ở trường phổ thông.

Nhiệm vụ của GVCN lớp trước và sau năm 2000:

Trong giai đoạn hiện nay, do yêu cầu của đổi mới giáo dục, đội ngũ thầy cô giáo trong đó có người GVCN, phải có năng lực của một nhà sư phạm,

một nhà quản lí, một cố vấn cho các tổ chức xã hội và gia đình, là tư vấn cho tất cả HS trong học tập, rèn luyện và hoạt động xã hội, GVCN còn phải là một nhà hoạt động chính trị văn hoá xã hội.

Những nhiệm vụ chủ yếu GVCN hiện nay so với trước ở chỗ:

– Trước đây:

+ Đối tượng quản lí: Quản lí HS một lớp học
+ Nội dung quản lí: Hoạt động học tập
+ Không gian thời gian: Ở lớp ở trường
+ Phương pháp quản lí: Trực tiếp
+ Chịu trách nhiệm với Hiệu trưởng.

– Hiện nay:

+ Ngoài những yêu cầu như trước đây, GVCN là người thiết kế, tổ chức quan hệ, phối hợp các lực lượng trong và ngoài nhà trường nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện, phát triển tiềm năng của xã hội và nhà trường vào xây dựng môi trường giáo dục, thực hiện mục tiêu giáo dục; phát huy tốt nhất, tối đa khả năng của HS, để họ trở thành chủ thể của sự phát triển nhân cách.

Ta có thể thấy rõ hơn qua bảng so sánh sau đây:

TT	Hiện nay cần làm	Trước đây
1	Chủ nhiệm quản lí HS một cấp học	Chủ nhiệm, quản lí một lớp HS
2	Cố vấn cho HS tổ chức mọi hoạt động (hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp là trọng tâm) nhằm giáo dục đạo đức, lối sống và phát triển các năng lực, giáo dục hướng nghiệp	Quản lí hoạt động dạy học trên lớp
3	Phối hợp với các lực lượng xã hội tạo điều kiện không gian, thời gian cho HS học tập, rèn luyện (khép kín không gian, thời gian hoạt động của HS)	Chỉ quản lí HS ở lớp ở trường (phối hợp chủ yếu với gia đình)
4	– Giúp HS và tập thể lớp tự đánh giá quá trình rèn luyện theo mục tiêu giáo dục – Phối hợp, tiếp thu nhận xét, đánh giá của giáo dục và các tổ chức giáo dục	Trực tiếp nhận xét đánh giá kết quả học tập hạnh kiểm của HS

TT	Hiện nay cần làm	Trước đây
	khác để đánh giá khách quan quá trình rèn luyện của HS	
5	Thông báo kết quả qua cộng đồng nơi ở tổ dân phố, dòng họ, cơ quan cha mẹ công tác, tổ chức Đội và Đoàn	Thông báo kết quả trực tiếp cho gia đình
6	Tổ chức trang bị trình độ sư phạm, phổ biến mục tiêu, kế hoạch giáo dục cho các bậc cha mẹ và các lực lượng xã hội có liên quan	Không yêu cầu GVCN phải làm
7	Phát hiện năng khiếu và sở thích, bồi dưỡng các loại HS (giỏi, yếu, có năng khiếu các loại)	Không yêu cầu
8	Có kế hoạch tổ chức bồi dưỡng, rèn luyện các loại kĩ năng cho tất cả HS thông qua bố trí đội ngũ cán bộ tự quản và các hoạt động của lớp, tổ chức các câu lạc bộ	Không yêu cầu
9	Xây dựng Hội cha mẹ HS thành lực lượng tham gia trực tiếp vào các hoạt động của lớp chủ nhiệm	Không yêu cầu
10	Kế hoạch hoá việc sử dụng mọi tiềm năng của giáo dục và xã hội vào phục vụ các hoạt động giáo dục của lớp chủ nhiệm và của trường	Không yêu cầu
11	Phản ánh những nguyện vọng chính đáng của HS với những người có trách nhiệm để giải quyết (Hiệu trưởng, GV môn học, gia đình, các tổ chức xã hội)	Không yêu cầu
12	– Tư vấn cho HS lựa chọn nghề nghiệp (giáo dục hướng nghiệp) – Phối hợp với các lực lượng trong và ngoài nhà trường định hướng phân ban và giáo dục hướng nghiệp (đối với HS bậc THPT)	Không yêu cầu

Giải thích thêm những nội dung mới của công tác chủ nhiệm hiện nay

1- Ngày nay chủ nhiệm nên quản lí cả cấp học

Xuất phát từ mục tiêu giáo dục toàn diện, vì vậy có chủ nhiệm cả cấp học (Tiểu học từ lớp 1 đến lớp 5) mới có điều kiện theo dõi sự phát triển nhân cách từng HS và mới có biện pháp giáo dục phù hợp.

2- Nhiệm vụ cố vấn cho HS tổ chức các hoạt động

– Tuy nhiệm vụ này không mới so với trước, nhưng nội dung có nhiều điểm mới hơn trước. Cần hiểu không chỉ là cố vấn cho đội ngũ tự quản tổ chức các hoạt động tập thể mà *phải tổ chức luân phiên đội ngũ tự quản để có điều kiện rèn luyện các kĩ năng, phát triển thái độ lành mạnh ở tất cả HS của lớp*. Cần tránh quan điểm chỉ chọn những em có năng lực làm cán bộ lớp cả cấp học (Tiểu học là 5 năm, THCS là 4 năm, THPT là 3 năm). Nên luân phiên hằng năm từ một phần ba đến một nửa số cán bộ lớp. *Việc luân phiên cán bộ tự quản phải được cả lớp nhận thức và quán triệt để mọi thành viên của lớp hiểu việc không được bầu tiếp không phải vì mất uy tín mà là đã hoàn thành nhiệm vụ, dành cơ hội cho bạn khác được rèn luyện.*
– Một yêu cầu đối với GVCN là: Nội dung hoạt động giáo dục rất đa dạng, phong phú, bao gồm hoạt động tự học, học nhóm, hoạt động thể dục thể thao, văn nghệ, vui chơi giải trí những giờ giải lao, hoạt động chính trị xã hội, hướng nghiệp tổ chức trong và ngoài nhà trường... Lấy chương trình hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp làm trọng tâm vì chương trình đó được thiết kế nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện ở mỗi cấp học.

3- Nhiệm vụ phối hợp với các lực lượng xã hội...

Trước khi đổi mới, sự phối hợp với các lực lượng gia đình và xã hội chủ yếu chỉ khi có HS hư, chỉ khi cần khắc phục một khó khăn nào của nhà trường. Còn hiện nay, phối hợp các lực lượng xã hội và gia đình với mục tiêu quan trọng nhất là phát huy sức mạnh tổng hợp, tạo sự đồng thuận của toàn bộ xã hội để xây dựng môi trường xã hội lành mạnh nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục, thực hiện nội dung giáo dục toàn diện.

Chính xuất phát từ mục tiêu của sự phối hợp giữa nhà trường, giữa GVCN với các lực lượng xã hội mà đòi hỏi nội dung, biện pháp, quy trình của sự phối hợp giữa GVCN với gia đình, xã hội phải có những thay đổi rất căn bản, phải được thực hiện một cách khoa học, yêu cầu GVCN phải có một hệ thống các kĩ năng.

4- Vấn đề đánh giá HS cũng đòi hỏi có nhiều điểm mới

– Trước đây đánh giá hạnh kiểm HS chủ yếu qua thái độ học tập và qua kết quả học tập của HS. Đánh giá để xếp loại qua một quá trình học tập, rèn luyện.

Ngày nay không chỉ đánh giá như trên, mà mục tiêu là nhận xét, đánh giá toàn diện sự phát triển nhân cách HS, vì vậy GVCN phải nhận xét, đánh giá sự nỗ lực sự phát triển hành vi, kĩ năng, hệ thống thái độ, cả những biểu hiện của tâm lí, sức khoẻ, năng khiếu ở mỗi em... Mục tiêu nhận xét đánh giá của GVCN là giúp các em có biện pháp rèn luyện, phấn đấu để phát huy những ưu điểm, rèn luyện những mặt còn yếu so với mục tiêu giáo dục của thời kì công nghiệp hoá – hiện đại hoá.

– Xuất phát từ mục tiêu nhận xét, đánh giá HS có những điểm mới mà phương thức thu thập thông tin, thông báo kết quả nhận xét, đánh giá cũng phải thay đổi. Phải có những biện pháp thu thập thông tin chính xác, trung thực, thường xuyên, khách quan nhất quá trình rèn luyện của HS ở mọi lúc, mọi nơi.

5- Thông báo kết quả rèn luyện của HS cũng cần công khai, dân chủ

– Trước đây, GVCN thường thông báo trực tiếp kết quả học tập, rèn luyện cho gia đình qua họp định kì, sổ liên lạc, qua điện thoại, qua gặp trực tiếp cha mẹ HS ở trường và ở nhà HS.

– Ngày nay, GVCN không chỉ thông báo liên lạc qua những hình thức trên, *còn qua cộng đồng nơi ở của gia đình HS*. Việc thông báo kết quả học tập, rèn luyện qua cộng đồng gia đình HS ở là sử dụng *"phương pháp giáo dục tác động song song". Sử dụng dư luận, gây dư luận xã hội, huy động các lực lượng xã hội phát huy mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực xây dựng môi trường giáo dục xã hội.*

6- Cần tổ chức bồi dưỡng trang bị trình độ sư phạm cho các bậc cha mẹ và các tổ chức xã hội

Đây là một nội dung mới của công tác GVCN và quản lí giáo dục của các trường.

Tại sao phải bồi dưỡng nâng cao năng lực sư phạm cho các lực lượng xã hội? Bồi dưỡng những vấn đề gì?

– Theo kết quả điều tra nghiên cứu của các nhà khoa học, trên 80% trẻ em hư đều có nguyên nhân từ phía giáo dục gia đình vì các bậc cha mẹ thiếu

hiểu biết về phương pháp giáo dục hoặc môi trường giáo dục gia đình không lành mạnh. Hiệu quả của giáo dục gia đình chủ yếu phụ thuộc vào việc tổ chức nề nếp gia phong của gia đình và sự gương mẫu thực sự của ông bà, cha mẹ hằng ngày. Phương pháp hiệu quả giáo dục bằng tấm gương của cha mẹ, Khổng Tử gọi là "thân giáo" là đặc trưng của giáo dục gia đình. Nếu có trình độ sư phạm, các bậc cha mẹ sẽ tránh được những thiếu sót trong giáo dục con cái. Mặt khác, biết phối hợp với nhà trường và các tổ chức xã hội trong việc giáo dục con em, đem lại hiệu quả giáo dục tốt nhất. Tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho cha mẹ HS và các tổ chức xã hội là một yêu cầu cấp thiết hiện nay vì nhiều người chưa hiểu được những phương hướng đổi mới giáo dục đang tiến hành.

– Mục tiêu và nội dung bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho bậc cha mẹ là rất phong phú. Trước hết cần bồi dưỡng về trách nhiệm, trang bị những hiểu biết tối thiểu về mục tiêu giáo dục, về nội dung, kế hoạch hoạt động giáo dục và dạy học ở từng lớp, trường; bồi dưỡng phương pháp giáo dục, phương pháp liên kết và trao đổi kinh nghiệm giáo dục cho phù hợp với các tình huống giáo dục, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí HS...

7- GVCN phải góp phần phát hiện năng khiếu, đề xuất phương hướng tổ chức bồi dưỡng năng khiếu cho HS

Đây là một yêu cầu mới đối với GVCN và rất quan trọng vì sẽ góp phần vào sự nghiệp phát hiện, bồi dưỡng, đào tạo nhân tài cho đất nước, góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục VN thời kì công nghiệp hoá– hiện đại hoá.

Muốn phát hiện năng khiếu ở trẻ em, đòi hỏi GVCN phải hiểu biết các tiêu chí biểu hiện các loại năng khiếu như âm nhạc, hội hoạ, văn học, toán học, năng khiếu quản lí, hoạt động chính trị xã hội... GVCN phải có những hiểu biết về tâm lí học lứa tuổi, tâm lí học chẩn đoán, có kiến thức và kĩ năng xây dựng những trắc nghiệm để phát hiện năng khiếu.

Có thể khẳng định nhiệm vụ phát hiện năng khiếu, sở thích, thiên hướng ở trẻ là một đòi hỏi không dễ dàng với GVCN. Cần phải xây dựng chuyên đề bồi dưỡng cho GVCN và đưa vào trường đại học sư phạm, cao đẳng sư phạm như nội dung nghiệp vụ sư phạm đối với sinh viên sư phạm trong giai đoạn hiện nay.

8- Kế hoạch hoá việc tổ chức rèn luyện kĩ năng cho tất cả HS

Để thực hiện mục tiêu giáo dục phát triển các năng lực ở HS theo yêu cầu của giáo dục thời kì công nghiệp hoá, hiện đại hoá, GVCN cần có kĩ năng khảo sát thực trạng trình độ của HS, phân loại HS theo trình độ và

nguyên nhân của hiện tượng ở HS... Trên cơ sở phân loại HS, GVCN phải thiết kế được kế hoạch và tổ chức triển khai kế hoạch bồi dưỡng phù hợp với từng loại và từng HS để tất cả các em đều được tham gia, rèn luyện để phát triển nhân cách toàn diện.

Trong điều kiện hiện nay, GVCN nói riêng và GV nói chung chưa được trang bị kĩ năng thực hiện nhiệm vụ trên, vì vậy cần có một chương trình bồi dưỡng và tự bồi dưỡng.

9- Xây dựng Hội cha mẹ HS thành một lực lượng giáo dục tham gia thực hiện mục tiêu, nội dung giáo dục của lớp học

Hội cha mẹ HS được thành lập, trên thực tế là một tổ chức của phụ huynh HS nhằm giúp nhà trường khi gặp khó khăn về cơ sở vật chất, tổ chức các ngày lễ (ví dụ: ngày 20/11, khai giảng,...) cho các thầy cô giáo, hoặc khi có HS hư cần bàn bạc với Hội cha mẹ HS để giải quyết.

Ngày nay, Hiệu trưởng, các GVCN cần ý thức phải xây dựng Hội cha mẹ HS thành một lực lượng giáo dục, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện cho HS, xây dựng một môi trường giáo dục lành mạnh giúp HS rèn luyện, học tập không chỉ ở trường mà còn ở nhà và ở mọi lúc, mọi nơi. Hội cha mẹ HS phải là người trợ thủ cho Hiệu trưởng, cho GVCN triển khai tất cả mọi hoạt động giáo dục, nhất là chương trình hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp ở các lớp.

Xuất phát từ vị trí vai trò của Hội cha mẹ HS, của giáo dục gia đình, GVCN phải trang bị cho các bậc phụ huynh hiểu sâu sắc mục tiêu, nội dung hoạt động giáo dục của lớp chủ nhiệm; cùng với đại diện Hội cha mẹ HS tổ chức, phân công các thành viên của Hội tham gia các hoạt động của HS một cách hợp lí nhất, có hiệu quả nhất. Thực tế hoạt động của GVCN ở một số trường cho thấy, nếu các bậc cha mẹ được phân công cùng GVCN tham gia quản lí, hoạt động cùng với HS lớp chủ nhiệm thì hiệu quả, tác dụng giáo dục không nhỏ.

10- Kế hoạch hoá việc sử dụng mọi tiềm năng của gia đình và xã hội vào các hoạt động giáo dục của lớp chủ nhiệm

Trước đây không yêu cầu GVCN phải kế hoạch hoá việc sử dụng mọi tiềm năng của gia đình và xã hội, mà tuỳ trách nhiệm và nhiệt tình của GVCN.

Ngày nay, để nâng cao hiệu quả giáo dục toàn diện trong hoàn cảnh xã hội đan xen nhiều yếu tố phức tạp, đòi hỏi GVCN phải có kế hoạch sử dụng hợp lí phát huy các yếu tố tích cực của xã hội và gia đình. GVCN

phải được trang bị kĩ năng điều tra xã hội học và quản lí giáo dục để sử dụng có hiệu quả tiềm năng của gia đình và xã hội.

- GVCN nhất thiết phải có kĩ năng khảo sát tiềm năng của xã hội và gia đình về mọi mặt để tận dụng phát huy những tiềm năng đó trong hoạt động giáo dục.
- Có kĩ năng lập kế hoạch sử dụng hợp lí tiềm năng phục vụ cho các hoạt động giáo dục toàn diện.
- GVCN cần có khả năng thuyết phục, vận động, tổ chức sử dụng mọi tiềm năng theo kế hoạch.

11- GVCN phải là người phản ánh nguyện vọng của HS lớp chủ nhiệm

Quan niệm thông thường GVCN là một nhà quản lí như "một Hiệu trưởng không có dấu son", một nhà sư phạm... nhưng chưa thấy GVCN còn là "*cái cầu nối*" giữa Hiệu trưởng với một tập thể HS. Nói cách khác, GVCN "có vị trí giao thoa" giữa tập thể sư phạm và tập thể được giáo dục. GVCN là người "đóng hai vai": vừa là vị trí là một nhà sư phạm khi tác động tới tập thể HS, nhưng lại phải là người đại diện cho quyền lợi, nguyện vọng của tập thể HS.

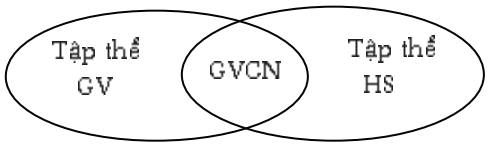

Với tư cách đại diện cho quyền lợi tập thể HS, GVCN phải lắng nghe, thấu hiểu những nguyện vọng, quyền lợi của HS,... phân tích để phản ánh với các tổ chức cá nhân trong và ngoài nhà trường giải quyết có tình có lí những mong muốn, nguyện vọng chính đáng của HS. Nhưng mặt khác, GVCN lại phải thuyết phục, giải thích những điều không hợp lí đối với HS. Đó là ưu thế của GVCN.

12- Tư vấn cho HS về mọi lĩnh vực

Ở mỗi cấp học, vai trò tư vấn của GVCN có khác nhau. Ở tiểu học, GVCN tư vấn cho HS mọi điều khúc mắc trong cuộc sống, giao lưu, giao tiếp, quan hệ xã hội; tư vấn cho các em tìm cách giải quyết những khó khăn trong học tập, trong sinh hoạt hằng ngày, kể cả việc giữ vệ sinh, bảo vệ sức khoẻ trong ăn, mặc...

Chức năng tư vấn là một đòi hỏi không dễ dàng với GVCN. Nếu GVCN có quan hệ thân thiện, tin cậy đối với HS, các em sẵn sàng chia sẻ, GVCN kịp thời đưa ra những lời khuyên, những định hướng hợp lí thì sẽ tránh được những hậu quả đáng tiếc ở HS.

Riêng với GVCN ở tiểu học (hầu hết hiện nay là trường bán trú) còn có những công việc phải thực hiện cùng với cán bộ công nhân viên và đồng nghiệp ở trường, gồm các việc sau:

- Quản lí, theo dõi cả ngày mọi sinh hoạt của HS (ăn, ngủ, chơi, học tập, giao tiếp ứng xử của HS).
- Đặc biệt theo dõi, giữ gìn bảo vệ sức khoẻ cho HS trong vui chơi, ăn uống, thay đổi thời tiết, kiểm tra sức khoẻ thể chất, giữ gìn, phát triển sức khoẻ tinh thần...
- Thường xuyên rèn luyện thói quen nề nếp trong học tập, sinh hoạt và hành vi ứng xử cho HS.
- Thường xuyên liên hệ với Ban giám hiệu và đồng nghiệp để tiếp thu, cập nhật với những yêu cầu mới hằng tuần, hằng ngày.
- Hằng ngày, GVCN cần phải dạy học theo thời khoá biểu ở các lớp được phân công và vẫn phải tham gia các sinh hoạt của GV toàn trường.

3. NHIỆM VỤ HOẠT ĐỘNG 2

Nghiên cứu xong Hoạt động 2, học viên nên tự trình bày hoặc trao đổi với đồng nghiệp, hoặc viết ra tóm tắt mấy yêu cầu sau:

1. Những nhiệm vụ (12 nhiệm vụ) của GVCN, liên hệ với GVCN ở tiểu học để thấy tính đặc thù.

2. Tự lí giải tại sao cần thực hiện những nhiệm vụ trên bằng một bảng giải thích.

TT	Các nhiệm vụ	Lí giải vì sao
1		
2		
3		
4		
5		
6		
7		
8		
9		
10		
11		
12		

Hoạt động 3. Phân tích thực trạng công tác chủ nhiệm hiện nay và đề xuất phương hướng tự hoàn thiện

1. MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG 3

Giúp GVCN có tư duy tổng thể xác định trách nhiệm, thấy rõ những khó khăn, những vướng mắc, bất cập đối với người GVCN để có suy nghĩ, sáng tạo khắc phục những khó khăn, có kế hoạch tự hoàn thiện và kiên trì hoàn thành kế hoạch học tập, rèn luyện suốt đời.

2. THÔNG TIN CƠ BẢN

Thực trạng công tác chủ nhiệm và những vấn đề cần đổi mới trong công tác chủ nhiệm ở trường tiểu học

Thời gian qua, việc bồi dưỡng, đào tạo ở các trường sư phạm *chưa quan tâm đúng mức tới việc rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, trong đó có công tác chủ nhiệm lớp*.

Cần xây dựng một giáo trình GVCN phù hợp với việc đào tạo GV cho giáo dục các cấp vì mỗi cấp học, ngành học có những yêu cầu riêng, tuy có những đòi hỏi chung. Mọi GV đều cần biết công tác chủ nhiệm không chỉ để làm GVCN lớp mà còn để biết mà phối hợp trong công tác giáo dục HS.

Trước mắt cần đổi mới những quy định về công tác GVCN ở các trường phổ thông và sau phổ thông.

Bộ đã có những quy định về công tác chủ nhiệm nhưng những văn bản ấy chưa thể hiện được hết vị trí, chức năng, nhiệm vụ, nội dung, quyền hạn, quyền lợi, phương pháp làm việc của GVCN trong giai đoạn hiện nay, cần được rà soát, chỉnh sửa cho phù hợp với thực tiễn.

Trong chương trình giáo dục ở các trường phổ thông đã có một chương trình hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp giao cho GVCN triển khai ở các lớp nhưng chưa có cơ chế rõ ràng ràng buộc các cấp quản lí có tính pháp quy nên nhiều cán bộ quản lí trường và ngoài xã hội buông lỏng việc thực hiện chương trình hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, thiếu quan tâm tới giáo dục đạo đức, giáo dục lối sống.

Cần phải xây dựng một giáo trình "Công tác chủ nhiệm" cho khối các trường, các khoa sư phạm. Bồi dưỡng cho đội ngũ GV, giảng viên các trường cao đẳng, đại học về nghiệp vụ sư phạm nói chung, công tác chủ nhiệm nói riêng.

3. NHIỆM VỤ HOẠT ĐỘNG 3

Học viên tự kiểm tra, liên hệ với thực tế của bản thân, của trường, của đồng nghiệp so với yêu cầu của GVCN trong giai đoạn mới để rút ra ưu, nhược điểm của công tác chủ nhiệm hiện nay và đề xuất cách giải quyết những khó khăn ấy.

Hoạt động 4. Quản lí hoạt động ăn và ngủ trưa của học sinh

1. MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG 4

Học viên thấy được ý nghĩa và nội dung cần quản lí hoạt động ăn trưa và ngủ trưa của HS tiểu học trường bán trú.

Trường tiểu học chuyển từ học 1 buổi sang học bán trú ngày là đáp ứng yêu cầu của phát triển giáo dục tiểu học. Song, đó cũng đặt ra những yêu cầu, nội dung khá phức tạp đối với quản lí nhà trường và các GVCN. Nếu dạy học một buổi, thầy cô chỉ quản lí và thực hiện hoạt động dạy học trên lớp là chủ yếu.

Trường tiểu học hiện nay hầu hết là bán trú, nghĩa là HS ở trường cả ngày. GVCN phải quản lí thêm mọi hoạt động của HS trong bữa trưa ăn và nghỉ (ngủ) tại trường. Vì vậy, việc quản lí bữa ăn trưa và ngủ trưa của HS trở thành một công việc không hề đơn giản đối với GVCN ở các trường bán trú.

Hoạt động này nhằm giúp GVCN có một số kĩ năng thực hiện một số việc mới của loại trường bán trú.

2. THÔNG TIN CƠ BẢN

Việc tổ chức ăn trưa cho HS ở các trường bán trú tiểu học và THCS hiện nay thường có 3 hình thức ăn trưa của HS. Với mỗi hình thức, GVCN cũng cần quan tâm một số yêu cầu sau đây:

– *Sắp xếp chỗ ngồi* cho trẻ ngăn nắp (nên cố định để tiện theo dõi và hình thành cho HS nề nếp ngăn nắp trong sinh hoạt; *Nhắc nhở rửa tay trước khi ăn*.

– *Ăn đúng giờ* tạo cho trẻ "giờ nào việc ấy".

– *Khi ăn hạn chế gây ồn ào*, nói chuyện riêng, ngồi ăn ngay thẳng, không làm vương vãi cơm và thức ăn, ăn uống từ tốn, không quá vội vã nhưng không quá chậm, nên tập trung vào ăn uống...

– *GVCN cần quan sát* và uốn nắn kịp thời những em có hành vi không đẹp trong khi ăn uống. Đặc biệt cần quan sát *những em có biểu hiện bất thường* như uể oải, bỏ bữa, ăn không hết khẩu phần... Phải tìm hiểu nguyên nhân của hiện tượng đó: do sức khoẻ, ốm đau, mệt mỏi hay thức ăn không hợp khẩu vị... và phải tìm cách giải quyết. Trao đổi với cha mẹ HS khi đón con buổi chiều, nếu vì ốm đau thì phải liên hệ ngay với thầy thuốc của trường để có cách giải quyết kịp thời.

  Sau khi ăn ít phút, cho trẻ ngủ trưa cũng phải đúng giờ, GVCN phải quan sát, theo dõi trẻ ngủ trưa, cũng cần uốn nắn hành vi trong khi ngủ. Mùa đông cần đắp chăn cho các em khi ngủ.

– *Khi nhắc nhở các em* cần nhẹ nhàng tế nhị, kín đáo, tránh làm tổn thương đến lòng tự trọng của trẻ vì trẻ em tiểu học sống rất vô tư, thích trêu chọc nhau. Các em thường tìm những biệt danh để chỉ hành vi của bạn... sẽ làm cho những em có hành vi ấy thiếu tự tin. GVCN *cần điều chỉnh dư luận của các em theo định hướng giáo dục*. Nếu GVCN phát hiện thấy những gì cần giáo dục, cần điều chỉnh thì

nhớ trao đổi với cha mẹ HS hằng ngày để kịp thời phối hợp tác động giáo dục, uốn nắn từng em.

GVCN cần nhận thức thật sâu sắc thời gian ăn và ngủ trưa của HS tiểu học là thời cơ, là điều kiện trẻ được tự do bộc lộ cá tính, hành vi và đó cũng là điều kiện để *GVCN có cơ hội "thực nghiệm tự nhiên"* hiểu trẻ và tác động có hiệu quả nhất. Vì vậy, quản lí ăn trưa, ngủ trưa của HS tiểu học trường bán trú trở thành một yêu cầu, một nhiệm vụ đối với GVCN.

Hiện nay ở một số trường bán trú, việc quản lí HS buổi trưa thường giao cho một vài thầy cô phụ trách và việc quản lí chỉ là giữ nề nếp sinh hoạt của HS bán trú, chưa ý thức được hết việc giáo dục hành vi thái độ của HS trong thời gian ăn, nghỉ trưa... Ở những trường có sự phân công quản lí như vậy, GVCN nên quan tâm trao đổi với GV trông trưa và GVCN cũng nên quan sát, theo dõi một vài buổi mỗi tuần.

Việc tổ chức ăn trưa và quan tâm đặc biệt tới bữa ăn trưa để đảm bảo an toàn sức khoẻ cho trẻ cũng là một vấn đề đặc biệt phải lưu ý.

Hiện nay, ăn trưa của HS bán trú thường có 3 hình thức chủ yếu sau đây:

– Gia đình chuẩn bị bữa trưa cho trẻ đem tới trường.
– Nhà trường tự nấu lấy bữa trưa cho thầy và trò.
– Nhà trường kí hợp đồng, hoặc GVCN kí hợp đồng với các cá nhân hoặc cơ sở nấu ăn cho HS.

Hai hình thức đầu (gia đình nấu ăn, hoặc trường tổ chức có một bộ phận nấu ăn trưa cho toàn trường) thì GVCN không phải quan tâm nhiều lắm.

Riêng hình thức nhà trường hay GVCN kí hợp đồng nấu ăn trưa cho HS, thì Hiệu trưởng hoặc GVCN phải hết sức cẩn thận những nguyên tắc đảm bảo an toàn thực phẩm cho HS.

Phải có hợp đồng thật rõ ràng, được kí kết hằng ngày với những nội dung sau:

+ *Giá trị bữa ăn theo giá trị kinh tế* thể hiện qua món ăn hằng ngày, phải ghi thật rõ cơm và các món ăn, chất lượng cơm và các món ăn (không phải không có người vì hám lợi đã dùng những thực phẩm không an toàn).
+ *Vệ sinh an toàn thức ăn* phải ghi thật rõ.
+ *Số lượng xuất ăn* (nhất thiết phải có một xuất "dự phòng an toàn" và được bảo quản nơi an toàn nhất sau khi HS ăn từ 3 đến 4 giờ mới được huỷ để phòng khi có ngộ độc thức ăn thì giao cho các cơ quan nghiên cứu điều tra xem xét; xuất ăn ấy phải lấy ngẫu nhiên, không được lựa chọn).

+ Phải ghi rõ họ tên người giao và người nhận xuất ăn.
+ Ghi rõ ngày giờ bàn giao.
+ Sau khi nhận bàn giao, GVCN phân phối cho HS và quan sát trẻ ăn trưa.
+ Nếu có hiện tượng ngộ độc thức ăn thì GVCN phải có biện pháp xử lí kịp thời ngay: báo cáo Ban giám hiệu, gọi cấp cứu, niêm phong xuất ăn dự phòng an toàn để giao cho người có trách nhiệm điều tra.

Theo dõi, quản lí HS tiểu học các trường nội trú rất quan trọng vì đó là môi trường diễn ra tất cả hành vi của trẻ qua học tập, ăn uống, nghỉ ngơi, vui chơi, giải trí, giao tiếp với nhiều đối tượng xã hội khác như thầy, bạn, cha mẹ, cán bộ công nhân viên, khách của trường... *GVCN cần tận dụng môi trường hoạt động của trẻ cả ngày vì có thể giáo dục, rèn luyện HS rất nhiều điều theo mục tiêu giáo dục tiểu học.*

GVCN cần nắm vững các phương pháp, hình thức giáo dục, kết hợp các phương pháp giáo dục hợp lí trong các tình huống khác nhau. Cần quan tâm đặc biệt tới phương pháp giáo dục "làm gương", "nêu gương", "tác động song song", "thuyết phục", "giao việc", "giữ nề nếp"... Cần kiên trì, bình tĩnh, tươi vui, nghiêm túc, tránh nóng nảy, quát mắng các em.

– Cần bàn giao hoạt động giữa các cô giáo phụ trách

Thông thường những lớp học bán trú ở tiểu học hiện nay có 2 cô giáo phụ trách. Nếu có vấn đề gì đặc biệt xảy ra ở HS thì phải bàn giao, trao đổi thật chu đáo, nhất là những trường hợp có biểu hiện ốm đau, mệt mỏi...

Một số lưu ý:

– Có trách nhiệm và thực hiện nghiêm túc (không được chủ quan) khi kí các văn bản nấu ăn cho HS.
– GVCN nên ghi nhật kí hằng ngày những hiện tượng xảy ra ở bữa ăn, ngủ trưa của HS nếu thấy những hiện tượng đặc biệt.
– GVCN có thể ghi nhật kí thật cụ thể sự kiện, hiện tượng, ghi rõ ngày tháng năm theo dõi sự biểu hiện ở HS và phương pháp tác động giáo dục đối với một số HS. Coi đó là một đề tài nghiên cứu Tâm lí học, Giáo dục học để sau này làm tư liệu nghiên cứu khoa học.

3. NHIỆM VỤ HOẠT ĐỘNG 4

Vì sao phải tổ chức, quản lí, theo dõi trẻ ăn, ngủ trưa? Những yêu cầu quản lí như thế nào? Việc ăn trưa có mấy hình thức? Mỗi hình thức cần lưu ý điều gì?

Hoạt động 5. Giới thiệu tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài nhà trường

1. MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG 5

Hoạt động giáo dục ngoài nhà trường phổ thông (cả tiểu học, THCS, THPT) nhằm khai thác triệt để những điều kiện tự nhiên, cơ sở vật chất, phát huy tiềm năng của toàn xã hội (những yếu tố chính trị, văn hoá, xã hội, tinh thần...) để thực hiện mục tiêu giáo dục của thời kì công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Nhà trường dù được trang bị cơ sở vật chất đầy đủ và hiện đại đến mấy đi nữa thì vẫn không đủ để giáo dục con người phát triển toàn diện, nhất là phát triển tâm hồn, nâng cao nhận thức, lòng yêu quê hương đất nước... Vì vậy khai thác, tận dụng mọi điều kiện của tự nhiên, xã hội là một yêu cầu khách quan.

GVCN cần nhận thức sâu sắc ý nghĩa, vai trò của việc tổ chức cho HS được tiếp xúc với môi trường tự nhiên xã hội. GVCN và các trường nên có kế hoạch hằng tháng và cả năm tổ chức cho HS được tham gia hoạt động ngoài nhà trường.

2. THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Hoạt động giáo dục ngoài nhà trường

Hoạt động giáo dục ngoài nhà trường (ở tiểu học, THCS, THPT) là những hoạt động ngoài giờ học văn hoá trên lớp, do trường, GVCN tổ chức đưa HS ra khỏi khuôn viên nhà trường, để HS được tiếp cận với thiên nhiên, được tiếp xúc với các hoạt động của xã hội, giao tiếp, giao lưu với các cá nhân, tổ chức xã hội phong phú, phức tạp, đa dạng, tạo cơ hội cho HS được học hỏi kinh nghiệm của xã hội, được rèn luyện, phát triển xúc cảm, tình cảm, phát triển lối sống lành mạnh, các kĩ năng giao tiếp ứng xử theo mục tiêu giáo dục của các cấp học.

Phân loại hoạt động giáo dục ngoài nhà trường, dựa trên cơ sở không gian (môi trường) giáo dục, có các phạm trù: giáo dục trong nhà trường, giáo dục ngoài nhà trường, giáo dục ở gia đình, giáo dục ở cộng đồng nơi ở.

Hoạt động giáo dục ngoài nhà trường là chỉ không gian (môi trường, địa điểm) diễn ra các loại hình, nội dung hoạt động tổ chức giáo dục. Hoạt động giáo dục ngoài nhà trường là một bộ phận, là một phần của hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp.

Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp là chỉ tất cả các hoạt động ngoài giờ học văn hoá, diễn ra ở trong và ngoài nhà trường. Thực tế cho thấy chương trình hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp chưa được thực hiện một cách có hiệu quả vì các thầy cô chỉ tổ chức trong khuôn viên của trường, không đưa HS ra khỏi khuôn viên nhà trường. Đó là một thực tế đã hạn chế hiệu quả thực hiện mục tiêu giáo dục phổ thông nói chung, nhất là thực hiện mục tiêu giáo dục tiểu học và THCS.

Việc thầy cô giáo chỉ thực hiện các hoạt động giáo dục ở trong khuôn viên nhà trường do khá nhiều nguyên nhân.

– *Trước hết chưa có cơ chế quản lí* và chế độ đãi ngộ tương xứng với GVCN, với những người có cống hiến, nỗ lực trong công tác giáo dục; chưa tạo những điều kiện thuận lợi cho những hoạt động giáo dục ở trường phổ thông. Ví dụ: Điều kiện kinh phí còn khó khăn, cơ chế quản lí ràng buộc

trách nhiệm các cá nhân và tổ chức xã hội phải tham gia thực hiện chưa được quy định rõ ràng.

- *Đội ngũ cán bộ quản lí trường học, GVCN và gia đình chưa thấu hiểu ý nghĩa, lợi ích* của việc tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài nhà trường, vì vậy sợ mất thời gian, nảy sinh tư tưởng ngại khó.
- *Cán bộ quản lí nhà trường, GVCN không biết lựa chọn nội dung hoạt động, thiếu kĩ năng tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài nhà trường.*
- Và thiếu những điều kiện để thực hiện.

Không thể phủ nhận, mỗi một hoạt động giáo dục ngoài nhà trường đòi hỏi có những điều kiện phương tiện tối thiểu như kinh phí, trang thiết bị, xe cộ đi lại, ăn ở... Ngân sách dành cho những hoạt động đó lại không có, yêu cầu các gia đình HS đóng góp thì rất thận trọng, thầy cô giáo đời sống còn nghèo, huy động các nguồn tài trợ của cá nhân và tập thể không phải dễ dàng...

Chính vì tất cả những lí do trên mà việc tổ chức giáo dục HS chủ yếu vẫn chỉ được tổ chức ở trong nhà trường, ít được tổ chức ngoài nhà trường.

2. Ý nghĩa và nội dung các hoạt động giáo dục ngoài nhà trường

2.1. Ý nghĩa của việc tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài nhà trường

Trước đây, mục tiêu giáo dục là cung cấp kiến thức nên hoạt động dạy học là trọng tâm (nhiều nơi quan niệm là duy nhất) và vì vậy lấy lớp học làm phương tiện, môi trường hoạt động chủ yếu của thầy và trò; phương pháp dạy học thuyết trình được coi là tất cả. HS tiếp nhận, học thuộc những điều trong sách vở do thầy truyền đạt được coi là đạt chất lượng của giáo dục phổ thông.

Ngày nay, xuất phát từ yêu cầu phát triển nguồn nhân lực phục vụ cho sự phát triển kinh tế xã hội và tự nhiên bền vững đòi hỏi giáo dục phải có những đổi mới rất cơ bản.

Giáo dục phải khai thác tất cả tiềm năng ở con người, bao gồm trí lực, tâm lực, thể lực và phát triển tất cả các năng lực ở con người từ khi còn nhỏ tuổi. Đặc biệt cần phát triển các năng lực tư duy, năng lực hoạt động, thích ứng giao tiếp ứng xử,...; phát triển các xúc cảm, tình cảm, niềm tin, phát triển các giá trị sống; mỗi người phải thực sự là một chủ thể tích cực tự giác tham gia vào phát triển kinh tế – xã hội, giữ gìn môi trường...

Với yêu cầu giáo dục phát triển con người như vậy, giáo dục không chỉ thông qua một con đường dạy học mà phải tận dụng phát huy tất cả những yếu tố những điều kiện của xã hội, của tự nhiên vào việc giáo dục.

Cần khẳng định và nhận thức sâu sắc rằng chỉ có thể thông qua hoạt động mới có thể thực hiện được mục tiêu giáo dục thời kì công nghiệp hoá, hiện đại hoá; chỉ thông qua hoạt động mới có thể phát triển hệ thống thái độ, nhận thức trong sáng và phát triển được những kĩ năng để hình thành những năng lực cần thiết ở thế hệ trẻ.

2.2. Nội dung các hoạt động giáo dục ngoài nhà trường

Căn cứ vào mục tiêu giáo dục tiểu học, mục tiêu giáo dục mỗi năm, căn cứ vào yêu cầu nội dung hoạt động từng tháng, căn cứ vào điều kiện và thời tiết hằng tuần, GVCN có thể tổ chức cho HS tham gia các hoạt động sau đây:

(1) Tổ chức cho HS thăm quan, tổ chức vui chơi giải trí ở những nơi danh lam thắng cảnh nhằm giáo dục cho các em tình yêu thiên nhiên, giữ gìn bảo vệ môi trường và nghỉ ngơi thư giãn...

(2) Thăm quan tìm hiểu những địa danh, di tích văn hoá, lịch sử, đền chùa, nhất là những di tích lịch sử cách mạng... nhằm giáo dục truyền thống lịch sử văn hoá, giáo dục đạo đức...

(3) Thăm các cơ sở văn hoá giáo dục, khoa học kĩ thuật như các trường đại học, viện bảo tàng, các cơ sở nghiên cứu khoa học về địa lí, thiên văn, tin học, công nghệ, các phòng thí nghiệm nhằm giáo dục, phát triển ở các em những hoài bão trong học tập, sáng tạo trong tư duy...

(4) Thăm quan các làng nghề truyền thống nhằm giáo dục HS biết trân trọng những giá trị truyền thống và góp phần giáo dục hướng nghiệp.

(5) Đi thăm quan những cơ sở sản xuất, công trình công, nông nghiệp theo hướng hiện đại hoá như các nhà máy, xí nghiệp, các trang trại chăn nuôi, trồng trọt...

(6) Tổ chức cho HS tham gia các hoạt động văn hoá nghệ thuật, tham gia các hoạt động chính trị xã hội, thể dục thể thao, lễ hội do địa phương tổ chức...

Lưu ý:

Khi tổ chức các hoạt động cần tích hợp hiệu quả giáo dục. Việc phân loại nội dung hoạt động trên đây chỉ là để thấy tính "trội" về giáo dục của mỗi loại hoạt động.

– Khi tổ chức các hoạt động ngoài nhà trường cần liên hệ trước, phối hợp thật chặt chẽ với Hội cha mẹ và các tổ chức xã hội ở địa phương.
– Chỉ có thể giáo dục các giá trị nhân cách, phát triển tâm lực và các năng lực ở HS, phát triển xúc cảm, tình cảm niềm tin, phát triển các giá trị sống và hoạt động xã hội khi tổ chức tốt các hoạt động giáo dục ngoài hoạt động dạy học văn hoá trên lớp, đặc biệt những hoạt động ngoài nhà trường.

Kĩ năng tổ chức hoạt động giáo dục là một hệ thống cách thức tổ chức quản lí, chỉ đạo, tổ chức hoạt động của người GV giúp cá nhân và các tập thể HS sử dụng hợp lí các điều kiện thực hiện các hoạt động giáo dục nhằm phát triển toàn diện nhân cách theo mục tiêu giáo dục nói chung, từng cấp học, lớp học nói riêng.

3. Hệ thống các kĩ năng của GVCN trong hoạt động giáo dục ngoài nhà trường

Để thực hiện tốt nhiệm vụ của GVCN và tổ chức hoạt động giáo dục ngoài nhà trường, GVCN cần có các kĩ năng:

3.1. Kĩ năng phân tích hệ thống mục tiêu giáo dục phổ thông

Muốn thực hiện công tác giáo dục đạo đức, phát triển nhân cách HS, người GV phải phân tích được tính hệ thống của mối quan hệ giữa mục tiêu bài học, môn học, lớp học với cấp học và mục tiêu giáo dục con người Việt Nam. Có như vậy mới hiểu sẽ phải tổ chức giáo dục bằng các phương pháp nào.

3.2. Phân tích được hệ thống mục tiêu từ vi mô đến vĩ mô

Phải thấy hệ thống mục tiêu từng bài học, từng môn học, từng lớp, từng cấp học chính là nhằm thực hiện đào tạo, giáo dục con người Việt Nam thời kì công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Mục tiêu giáo dục phẩm chất giá trị đạo đức, tư tưởng chính trị, lối sống thể hiện rõ nhất trong môn Đạo đức ở tiểu học, Giáo dục công dân, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp ở THCS và THPT.

3.3. Những kĩ năng phân tích đặc điểm HS

Về tâm sinh lí, thầy cô giáo phải phân tích được trình độ, nguyện vọng, khả năng của HS về mọi mặt. Điều quan trọng là phân tích được nguyên nhân, những yếu tố khách quan và chủ quan đã ảnh hưởng tới HS như thế nào.

3.4. Những kĩ năng phân tích sử dụng các nguồn lực xã hội có liên quan đến tổ chức giáo dục

Người GVCN muốn thực hiện các mục tiêu giáo dục đạo đức cho HS phải có kĩ năng khảo sát thực tế, sử dụng các nguồn lực trong và ngoài trường một cách hợp lí.

3.5. Khảo sát, đánh giá được nguồn nhân lực

Để thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện đòi hỏi có sự tham gia của toàn bộ xã hội, từ gia đình, cộng đồng dân cư, các tổ chức kinh tế, các tổ chức xã hội, đoàn thể quần chúng, các nhà quản lí, hoạt động chính trị xã hội, văn hoá nghệ thuật, thể dục thể thao, kinh doanh, sản xuất kinh tế trong và ngoài quốc doanh...

Thầy cô giáo, nhất là GVCN lớp phải biết lập danh sách, xây dựng kế hoạch huy động hợp lí, có hiệu quả nguồn nhân lực vào các hoạt động giáo dục của lớp chủ nhiệm. Đó là một yêu cầu của thực hiện xã hội hoá giáo dục.

3.6. Khảo sát, đánh giá được cơ sở vật chất, trang thiết bị

Để thực hiện mục tiêu và nội dung của chương trình hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp ở trường phổ thông đã ban hành, đòi hỏi các trang thiết bị, kinh phí không nhỏ. GVCN lại là người chịu trách nhiệm chính đối với mỗi lớp nên cần khảo sát tất cả những điều kiện, phương tiện của nhà trường, nhất là của địa phương (xã, huyện, tỉnh).

Nội dung khảo sát, thống kê để kế hoạch hoá việc sử dụng cơ sở vật chất cho hoạt động giáo dục bao gồm *khả năng đóng góp* của gia đình và tài trợ của các tổ chức xã hội, *các cơ sở sản xuất, nghiên cứu khoa học; các danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử; các trang thiết bị của địa phương* (điểm vui chơi, hội trường, loa đài, nhạc cụ, thiết bị, dụng cụ thể dục thể thao...).

Người GVCN lớp hay quản lí trường học phải kế hoạch hoá sử dụng tất cả tiềm năng đó, biết huy động, phối hợp khi cần thiết.

3.7. Khảo sát, đánh giá được những giá trị vật thể, phi vật thể, giá trị truyền thống, những kinh nghiệm văn hoá, giáo dục của nhân dân

Biết nghiên cứu, kế thừa, phát huy những giá trị đạo đức văn hoá và những kinh nghiệm tổ chức giáo dục những giá trị đó trong bối cảnh hiện nay là một yêu cầu đối với GVCN lớp cũng như tất cả GV.

Muốn làm tốt công tác giáo dục HS, GVCN lớp không thể không có nhận thức, có kĩ năng phân tích nội dung các chuẩn mực đạo đức truyền thống (như yêu nước, cần cù, sáng tạo, hiếu thảo, tôn sư trọng đạo, hiếu học, cần, kiệm, liêm chính, chí công vô tư,...) kết hợp với các giá trị của thời đại. Đồng thời GVCN phải biết học hỏi và có *kĩ năng vận dụng kinh nghiệm* của các thế hệ ông cha, biết tiếp thu kinh nghiệm tổ chức giáo dục HS của các nhà sư phạm ngoài nước.

3.8. Kĩ năng "tác động tay đôi" là nhà sư phạm (thầy cô giáo, cha mẹ, nhà quản lí,...) tác động trực tiếp tới đối tượng giáo dục (HS, con cháu, nhân viên) nhằm thuyết phục, khuất phục đối tượng thực hiện những yêu cầu của nhà sư phạm đặt ra. "Tác động tay đôi" còn gọi là "tác động trực tiếp" tức là nhà sư phạm bằng quyền uy, bằng uy tín, bằng ngôn ngữ, cử chỉ với trí tuệ, tình cảm, nghệ thuật sư phạm gặp gỡ trực tiếp đối tượng giáo dục.

3.9. Kĩ năng sử dụng phương pháp "tác động song song"

Tác động song song là một phương pháp giáo dục đạo đức do A.S. Makarenkô sáng lập. Tác động song song là nhà sư phạm không tác động trực tiếp vào đối tượng mà tác động thông qua tập thể cơ sở đối tượng HS đang sinh hoạt, học tập. Đó là hình thức tác động gián tiếp, dùng dư luận của tập thể lành mạnh để điều chỉnh suy nghĩ, nhận thức, hành vi của đối tượng giáo dục. Tác động song song là một nghệ thuật tác động tạo dựng được dư luận, đặt đối tượng trong tập thể, dùng tập thể tác động lẫn nhau, tạo ra một môi trường vi mô để điều chỉnh mỗi thành viên theo yêu cầu của giáo dục xã hội. Ví dụ, trong giờ kiểm tra Toán, có HS Nguyễn Văn A quay cóp (chưa đến mức kỉ luật). Sau khi thu bài, thầy giáo tập trung cả lớp và tuyên bố: "Lớp ta có hiện tượng quay cóp". Thầy yêu cầu từ nay chấm dứt hiện tượng đó. Thầy không tác động trực tiếp vào HS Nguyễn Văn A. Kiểu tác động đó làm cho HS Nguyễn Văn A và những em có ý định quay cóp phải "giật mình" và tự điều chỉnh. Đồng thời những em khác cũng sẽ phải nhắc nhở các bạn không quay cóp trong kiểm tra thi cử... Thế là một động tác của thầy có ảnh hưởng đến nhiều HS và chính vì hiệu quả của phương pháp tác động song song mà thường được ví như một mũi tên (một tác động) trúng hai đích (cả đối tượng định tác động và tập thể HS).

3.10. Kĩ năng phán đoán mức độ của tình huống

Khả năng sư phạm của một GV, nhất là GVCN lớp, chính là phân tích, chẩn đoán đúng bản chất và mức độ của các hiện tượng, tình huống giáo

dục để có biện pháp tác động phù hợp. Cùng một hiện tượng "*bỏ học tiết thứ 5 hằng ngày của một HS*" có thể do nhiều nguyên nhân: có thể vì lười, chán học, có thể do sức khoẻ, có thể phải đi chữa bệnh theo chỉ định của bác sĩ, có thể do phải vào viện chăm sóc bố mẹ, người thân, cũng có thể do bị bọn xấu bắt phải làm một việc gì... GVCN không bao giờ được phép kết luận, đánh giá hiện tượng theo chủ quan mà cần tìm hiểu nguyên, bản chất của nó để có biện pháp tương ứng phù hợp.

3.11. Kĩ năng lựa chọn hình thức tác động

GVCN chỉ lựa chọn được phương pháp, hình thức tác động phù hợp, có hiệu quả khi tìm hiểu đúng nguyên nhân, đánh giá đúng bản chất của tình huống giáo dục. Tuy nhiên, thầy cô giáo còn cần hiểu sâu sắc hơn về nhược điểm của các phương pháp và hình thức tác động tới đối tượng HS, hiểu hoàn cảnh sống và hoạt động của HS. Chẳng hạn "*một HS có hiện tượng hút ma tuý*", thầy cô phải tìm hiểu: *đang ở mức độ nào?* (mới bắt đầu, hay đã nghiện) *do những nguyên nhân nào, nguyên nhân nào là chủ yếu?* (do tò mò, do bạn bè rủ rê, do bị khống chế của bọn xấu, do bị mua chuộc, do hoàn cảnh gia đình, do ham tiền, thích lối sống đua đòi...?) *cần phải phối hợp với các lực lượng nào?* (gia đình, cộng đồng, công an, các thầy cô, thầy thuốc, bạn bè của HS đó...) *bằng cách nào, hình thức nào?* (trực tiếp hay gián tiếp, tay đôi hay phải hợp bàn thường xuyên như thế nào) *vạch kế hoạch và phối hợp quản lí* tác động để khép kín không gian, thời gian.

3.12. Kĩ năng lựa chọn thời cơ tác động

Lựa chọn thời cơ tác động vừa là một kĩ năng, vừa là một nghệ thuật sư phạm đối với các nhà sư phạm nói chung, GVCN lớp nói riêng. Nó trở thành nghệ thuật sư phạm bởi nó đòi hỏi GV phải phân tích, tổng hợp các yếu tố, phải thiết lập được quan hệ với đối tượng giáo dục, phán đoán được tâm lí, tính toán hình thức tác động, cường độ của sự tác động... để chọn thời cơ tác động có lợi nhất, có hiệu quả nhất.

3.13. Kĩ năng kiểm tra, theo dõi hiệu quả sau tác động

Kiểm tra, đánh giá vừa là một khâu, vừa là một phương pháp dạy học, giáo dục. Kiểm tra, đánh giá phải được thực hiện thường xuyên trong suốt quá trình tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục. Kiểm tra, đánh giá để điều chỉnh kịp thời mục tiêu nội dung, phương pháp, hình thức tác động giáo dục.

Kĩ năng kiểm tra, đánh giá là *độ thành thạo của việc xây dựng tiêu chí, hình thức kiểm tra* (xây dựng công cụ kiểm tra), là thể hiện ở *khả năng phân tích kết quả kiểm tra với mục tiêu đặt ra của quá trình dạy học, giáo dục* (mục tiêu của từng công đoạn và sản phẩm cuối cùng). Kĩ năng kiểm tra, đánh giá còn thể hiện ở *kĩ thuật phân tích đưa nhận định và xác định phương hướng điều chỉnh* biện pháp, hình thức tác động.

3.14. Kĩ năng sử dụng ngôn ngữ, cử chỉ có hiệu quả giáo dục

Sử dụng ngôn ngữ kết hợp với cử chỉ là một nghệ thuật tác động giáo dục. Nhà sư phạm cần phải biết khi nào cần nói và khi nào im lặng. Ngôn ngữ phải trong sáng, rõ ràng, mạch lạc, lúc nói to lúc nói nhỏ,... Cử chỉ điệu bộ của thầy cô với ngôn ngữ là phản ánh cả tâm hồn, trí tuệ, nguyện vọng của thầy cô. Đôi khi chỉ một cử chỉ nhỏ gây những hiệu quả giáo dục lớn không lường được. Một lời khuyên, hỏi thăm, một đề nghị, một lời mong muốn, một cử chỉ âu yếm, quan tâm,... có thể là một tác động thúc đẩy HS rèn luyện suốt đời.

3.15. Kĩ năng sử dụng "phương pháp bùng nổ sư phạm"

Bùng nổ sư phạm là một phương pháp giáo dục đạo đức rất có hiệu quả, do Makarenkô sáng tạo [5].

Bùng nổ sư phạm là nhà sư phạm dùng tác động mạnh, bất ngờ, tạo ra một dấu ấn làm chuyển biến nhận thức, thái độ, hành vi của đối tượng giáo dục (có thể là cá nhân, hoặc tập thể, có thể là hiện tượng tiêu cực, cũng có thể là hiện tượng tích cực, tiên tiến). Bùng nổ sư phạm không phải là "đao to búa lớn", gắt gao, quyết liệt, căng thẳng mà có thể là sự im lặng đúng lúc, một lời khen, một cử chỉ âu yếm, giao một công việc, một lời phê bình, đưa ra một yêu cầu, một lời nhận xét hợp lí... Điều quan trọng là tác động phải *gây cho đối tượng một cảm xúc mạnh. Tác động phải đảm bảo tính hệ thống, liên tục để kết quả giáo dục được củng cố vững chắc*. Chẳng hạn, một HS mất tự tin, GV có thể lấy lại niềm tin bằng việc giao việc, khích lệ, tuyên dương trước tập thể và lại giao cho những công việc khó hơn với một lời khẳng định "*Cô tin tưởng ở em!*". Chắc chắn HS đó sẽ làm việc với một trạng thái tâm lí phấn chấn, sáng tạo, nỗ lực,... hơn rất nhiều và tạo ra cho em đó một niềm tin mới.

3.16. Kĩ năng sử dụng phương pháp "giáo dục bằng hệ thống viễn cảnh"

Hơn bao giờ hết, các nhà sư phạm hiện nay cần có kĩ năng sử dụng phương pháp giáo dục bằng hệ thống viễn cảnh, vì thế hệ trẻ đang phải

sống trong một hoàn cảnh đan xen những giá trị tốt xấu, thiện ác, tích cực và tiêu cực, giữa vật chất và tinh thần, giữa cái trước mắt và lâu dài, giữa cá nhân và trách nhiệm xã hội,... Vì vậy, có sự định hướng của nhà sư phạm sẽ giúp trẻ có những định hướng tích cực, sớm giúp các em kịp thời có phương pháp giải quyết được hàng loạt những mâu thuẫn xảy ra hằng ngày các em phải đối mặt.

"Giáo dục bằng hệ thống viễn cảnh" là nhà sư phạm căn cứ vào mục tiêu giáo dục xã hội, mục tiêu cấp học, căn cứ vào đặc điểm của tập thể HS, vào đặc điểm của từng HS,... giúp tập thể và cá nhân xác định được những yêu cầu, nội dung cần phải đạt, xây dựng được kế hoạch, các hoạt động và biết tổ chức thực hiện để từng bước đạt được những dự định phải đạt tới.

Giáo dục bằng hệ thống viễn cảnh chính là nhà sư phạm thực hiện chức năng là người tổ chức, cố vấn, điều khiển định hướng quá trình tự giáo dục, rèn luyện của HS, giúp các em từng bước vạch ra mục tiêu, có kĩ năng xây dựng được kế hoạch để thực hiện mục tiêu đặt ra.

Trong cuộc đổi mới giáo dục đang tiến hành, hơn bao giờ hết đòi hỏi GVCN phải có kĩ năng giúp HS xây dựng được mục tiêu và kế hoạch rèn luyện từ *viễn cảnh gần* đến *viễn cảnh trung bình* và *viễn cảnh xa*.

Viễn cảnh gần từng bước giúp HS xác định được nội dung học tập sinh hoạt, lao động ở nhà, vui chơi hợp lí trong từng ngày, hằng tuần, có kĩ năng xây dựng thời khoá biểu để "*giờ nào việc ấy*". Điều rất quan trọng là giúp các em có ý thức tự giác, có quyết tâm thực hiện mục tiêu, kế hoạch đặt ra.

GV bộ môn cũng như GVCN lớp phải có kĩ năng giúp HS vạch được *viễn cảnh trung bình*, nghĩa là các em có khả năng xác định được mục tiêu phấn đấu, rèn luyện từng học kì, từng năm và mục tiêu phấn đấu cả cấp học một cách toàn diện. Giúp HS biết tự kiểm tra, đánh giá căn cứ vào mục tiêu giáo dục của cấp học, biết điều hoà hợp lí các nhiệm vụ học tập, rèn luyện đạo đức, hoạt động xã hội với công việc ở gia đình, cộng đồng nơi ở.

Viễn cảnh xa chỉ với HS THCS và THPT. Thầy cô giáo ở THPT phải chuẩn bị cho HS có những điều kiện cơ bản để học lên hoặc tham gia học nghề, lao động. Mục tiêu quan trọng nhất là hình thành ở các em nhận thức đúng vị trí trách nhiệm, có nhân sinh quan, thế giới quan, có hoài bão (có lẽ sống) phù hợp với lí tưởng của dân tộc, của thời đại, có

bản lĩnh, năng động sáng tạo, dám chấp nhận những khó khăn, có ý chí nghị lực.

Chương trình "*Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp*" mới được pháp chế hoá đổi mới giáo dục phổ thông từ năm 2000, là một chương trình thực hiện bắt buộc ở cả ba cấp học nhằm từng bước thực hiện mục tiêu giáo dục phổ thông. Đó là thông qua tổ chức hoạt động (lấy tập thể lớp, trường làm cơ sở hoạt động) tạo cơ hội cho HS củng cố vận dụng kiến thức đã học vào thực tế; quan trọng hơn là qua hoạt động phát triển các xúc cảm, tình cảm, niềm tin và các kĩ năng khác, nhất là kĩ năng giao tiếp ứng xử với mọi người trong các hoàn cảnh khác nhau.

Để thực hiện chương trình hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, đòi hỏi người GV, trước hết GVCN cần phải có một hệ thống kĩ năng giáo dục nữa là:

3.17. Kĩ năng thiết kế chương trình, kế hoạch hoạt động.

3.18. Kĩ năng điều khiển, điều chỉnh hoạt động.

3.19. Kĩ năng tổ chức các loại hình thi theo chuyên đề (tìm hiểu truyền thống, môi trường, văn hoá, các tệ nạn xã hội...).

3.20. Kĩ năng tổ chức sinh hoạt Câu lạc bộ (các loại hình Câu lạc bộ...).

3.21. Kĩ năng tổ chức đối thoại giao lưu với các đối tượng xã hội khác nhau.

3.22. Kĩ năng tổ chức các buổi sinh hoạt truyền thống của đội TNTP, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh.

3.23. Kĩ năng tổ chức các phong trào tình nguyện của thiếu niên, HS.

3.24. Kĩ năng tổ chức các loại hình lao động xã hội công ích, hoạt động chính trị xã hội.

3.25. Kĩ năng thiết kế các bài tập tình huống giáo dục.

3.26. Xây dựng các bộ công cụ khảo sát đánh giá đặc điểm của HS về nhận thức, thái độ, kĩ năng.

3.27. Kĩ năng sử dụng và sáng tạo các loại test đo các chỉ số tâm lí (IQ, EQ...).

3.28. Kĩ năng giáo dục những HS đặc biệt (có hành vi lệch lạc chuẩn mực, giáo dục lại).

3.29. Kĩ năng phát hiện bồi dưỡng HS có năng khiếu hoạt động chính trị xã hội, khả năng tự quản của HS, HS có năng khiếu các môn học...

3.30. Muốn tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài nhà trường có hiệu quả, GV nói chung, GVCN lớp còn phải *rèn luyện để có những kĩ năng hoạt động về thể dục thể thao, văn nghệ* (biết chơi, biết luật chơi các loại thể dục thể thao, biết hát, chơi nhạc, kể chuyện...).

3.31. v.v...

Ngoài những kĩ năng sư phạm đã trình bày ở trên, GV cần có sự nhạy cảm sư phạm, kinh nghiệm giáo dục, tính kiên nhẫn và làm việc có kế hoạch, có đam mê, tâm huyết.

Có thể nói, chương trình hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp là một chương trình tổng hợp, liên quan đến rất nhiều lĩnh vực văn hoá xã hội, kinh tế, chính trị, đạo đức, pháp luật,... rèn luyện rất tổng hợp những năng lực của con người Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Vì vậy, muốn tổ chức tốt hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp ở phổ thông, mọi GV cần phải được chuẩn bị không chỉ về kiến thức khoa học mà cả năng lực sư phạm để thực hiện tốt mục tiêu chương trình Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp.

4. Hệ thống các kĩ năng của GVCN trong việc vận động các lực lượng giáo dục khác phục vụ mục tiêu giáo dục

Vận động, kết hợp các lực lượng xã hội vào công tác giáo dục là một công việc rất cấp thiết, rất phong phú và phức tạp.

Muốn thực hiện tốt việc nắm vững những tiềm năng của xã hội để vận động, phối hợp và sử dụng hợp lí vào hoạt động giáo dục, đòi hỏi thầy cô giáo phổ thông (trước hết là cán bộ quản lí nhà trường, các thầy cô chủ nhiệm lớp) cần có những kĩ năng sau đây:

4.1. Kĩ năng phân tích nắm vững mục tiêu cấp và lớp học.

4.2. Phân tích nội dung, mối quan hệ nội dung trong các chương trình dạy học và giáo dục của nhà trường, đặc biệt với các môn khoa học - xã hội - nhân văn và chương trình giáo dục hướng nghiệp, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp...

4.3. Kĩ năng xem, vẽ bản đồ, thiết lập các sơ đồ. Hiện nay hầu hết các sự kiện, dữ liệu về địa lí, kinh tế, văn hoá, xã hội thường được sơ đồ hoá, vì vậy kĩ năng sử dụng sơ đồ hoá (như graph, bản đồ tư duy...) là một đòi hỏi đối với GVCN hiện nay.

4.4. Kĩ năng sử dụng máy tính. Máy tính hiện nay là một phương tiện khá phổ biến trong giáo dục và trong cuộc sống, rất cần với GV để lưu trữ tư

liệu, truy cập các thông tin, sử dụng khi trình bày một bài giảng, một vấn đề nghiên cứu khoa học...

4.5. Cần phải có kĩ năng nghiên cứu khoa học xã hội, khoa học giáo dục

Đó là những kĩ năng về điều tra xã hội học, kinh tế học, thống kê học, tâm lí học xã hội; chẳng hạn phải tìm hiểu được đặc điểm tâm lí, sở thích, khả năng, điều kiện của các cá nhân và tập thể xã hội (các đoàn thể, hội quần chúng, các đơn vị sản xuất, văn hoá, giáo dục trên địa bàn). Chưa bao giờ trong lịch sử giáo dục dân tộc lại yêu cầu người thầy giáo cần có kĩ năng nghiên cứu về xã hội, về con người bức thiết như hiện nay.

4.6. Kĩ năng lập kế hoạch, sử dụng hợp lí tiềm năng mọi mặt của xã hội nhằm thực hiện mục tiêu, nội dung giáo dục toàn diện.

Trên thực tế có nhiều trường và thầy cô giáo liên kết với các tổ chức xã hội và cá nhân, nhưng thường làm tuỳ hứng, *chưa thực hiện kế hoạch hoá*, nghĩa là chưa xây dựng kế hoạch để sử dụng hợp lí, hiệu quả, tiềm năng của xã hội. Chẳng hạn muốn giáo dục hướng nghiệp nhưng chưa tận dụng được những cơ sở sản xuất ở trên địa bàn. Chưa nắm vững những định hướng phát triển kinh tế xã hội của địa phương nên chưa gắn việc giáo dục hướng nghiệp với đào tạo nguồn nhân lực, phục vụ kinh tế, xã hội.

Cần phải khảo sát, đánh giá được tiềm năng toàn diện có thể khai thác, biết kế hoạch hoá, sử dụng hợp lí phục vụ giáo dục toàn diện, xây dựng được môi trường giáo dục lành mạnh, hạn chế ảnh hưởng tiêu cực tới HS...

4.7. Kĩ năng thuyết phục các lực lượng tự nguyện, tự giác, sáng tạo tham gia các hoạt động giáo dục HS

Để tập hợp được quần chúng tự nguyện tham gia giáo dục, sẵn sàng đóng góp sức người, sức của một cách tự nguyện, tự giác, sáng tạo... đòi hỏi thầy cô giáo phải có kĩ năng cảm hoá "Đắc nhân tâm", thuyết phục mọi người mà không "xin" theo cơ chế ban ơn, xin xỏ làm giảm uy tín, vị thế của người thầy giáo, của giáo dục nhà trường.

Để thực hiện quần chúng tham gia vào sự nghiệp giáo dục, thầy cô giáo, đặc biệt cán bộ quản lí nhà trường, GVCN cần có kiến thức về nghiệp vụ sư phạm, nắm vững mục tiêu, chủ trương, định hướng phát triển giáo dục, những quy định của pháp luật, văn kiện, Nghị quyết của Đảng và Nhà nước. Hiểu thấu đáo mục tiêu, đặc biệt là vận dụng hợp lí các nguyên tắc, phương pháp vận động quần chúng thực hiện xã hội hoá

giáo dục. Vận động quần chúng tự nguyện tham gia hoạt động giáo dục là một khoa học, một nghệ thuật; phải kết hợp được sự hiểu biết lí luận sâu sắc với kĩ thuật thuyết phục của một nhà sư phạm.

Ngoài những kiến thức về giáo dục, muốn thuyết phục quần chúng, đòi hỏi thầy cô giáo, nhất là GVCN lớp cần có kiến thức thực tế về địa phương, về cuộc sống của quần chúng, về những nhiệm vụ, nội dung hoạt động kinh tế – xã hội của xã, phường, quận, huyện, tỉnh thành phố, còn cần hiểu về lịch sử văn hoá, truyền thống của địa phương... Biết khơi dậy những truyền thống tốt đẹp, biết sử dụng những gương điển hình tốt trong chiến đấu trước đây và xây dựng đất nước trong thời kì đổi mới hiện nay.

Nói tóm lại, thầy cô giáo ở địa phương cần có kiến thức về văn hoá, xã hội, phải biết hiểu thấu, chia sẻ, lắng nghe, kiên nhẫn với một tâm hồn cởi mở, độ lượng vị tha, hoà đồng, khoan dung... và cần có một trình độ ứng xử sư phạm phù hợp với hoàn cảnh, với đối tượng giao tiếp.

4.8. Kĩ năng điều khiển, điều chỉnh những tình huống cần thiết

Quá trình làm công tác chủ nhiệm thực chất là vận động, thu hút các lực lượng xã hội tham gia thực hiện mục tiêu, nội dung giáo dục toàn diện của nhà trường. Về bản chất là thiết lập các quan hệ giáo dục của các cá nhân và tổ chức xã hội có quyền lợi khác nhau, đôi khi vì những lí do nào đó có mâu thuẫn với nhau, đối lập nhau... Chính vì đặc điểm vị thế xã hội, đặc điểm tâm lí của cá nhân và các giai tầng trong xã hội phong phú, phức tạp mà đòi hỏi người GV phải có *kĩ năng phân đoán, phân tích đặc điểm cá nhân và tập thể xã hội. Phải có khả năng chẩn đoán tâm lí* các đối tượng tham gia hoạt động để lựa chọn phương án, cách giải quyết, ứng xử phù hợp, tránh những bất trắc khi các đối tác gặp nhau. *Phải có các kĩ năng hoà giải* trong trường hợp xảy ra nhiều hiện tượng bất đồng khi gặp gỡ, trao đổi với nhiều đối tượng khác nhau. Trong thực tế, khi nói chuyện, toạ đàm, họp hành,... không ít người nói lạc đề tài, thầy cô giáo chủ nhiệm *phải có kĩ năng điều khiển "lái"* mọi người vào chủ đề chính cần trao đổi một cách văn hoá, tế nhị.

3. NHIỆM VỤ HOẠT ĐỘNG 5

Sau khi nghiên cứu Hoạt động 5, học viên thành lập một bảng để tự đánh giá trình độ của bản thân và tìm biện pháp rèn luyện những kĩ năng còn yếu.

TT	Những kĩ năng tối thiểu cần có đối với GVCNTH	Mức độ đã có ở bản thân		
		Tốt	Bình thường	Chưa tốt
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				
9				
10				
11				
12				
13				
14				
15				
16				
17				
18				
19				
20				

D. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Luật Giáo dục*, 2005.
2. Phạm Minh Hạc, *Về con người phát triển toàn diện thời kì công nghiệp hoá, hiện đại hoá*, NXB Chính trị Quốc gia, 2001.
3. Hà Nhật Thăng (Chủ biên), *Sổ tay công tác chủ nhiệm lớp*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2010.
4. Hà Nhật Thăng (Chủ biên), *Phương pháp công tác của người GVCN ở trường trung học phổ thông*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, tái bản lần thứ ba năm 2004.
5. Hà Nhật Thăng – Đào Thanh Âm, *Lịch sử Giáo dục thế giới*, NXB Giáo dục, 1998.